

Số: /QĐ-PAS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) thuộc dự toán mua sắm Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù)**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quy trình mua sắm thuốc, hàng hóa, dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3288/QĐ-BYT ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-PAS ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-PAS ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của dự toán mua sắm: Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-PAS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Cung cấp bổ sung hóa

chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-PAS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 931/QĐ-PAS ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Thông báo mời thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến trên trang muasamcong.mpi.gov.vn ngày 18 tháng 12 năm 2025 của gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Theo đề nghị của phòng Vật tư – Thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu

- Số E-TBMT: IB2500582085;
- Tên gói thầu: Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);
- Giá gói thầu: 407.440.080 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm linh bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi đồng*);
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước – Hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tên Chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước qua mạng;

- Loại hợp đồng: trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 35 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	406.753.200	406.753.200	-	-	406.753.200	05 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	35 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Không có

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư - Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
1	Chuẩn Aflatoxin M1	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Quy cách: 50 µg/lọ	A6428-50UG	Sigma/Merck	Israel	Từ năm 2024 trở về sau	Lọ	1	18.000.000
2	Bình định mức 50ml	Chất liệu: thủy tinh. Thang chia vạch, nắp nhựa	246711757	Duran	Đức	Từ năm 2024 trở về sau	cái	13	2.408.400
3	Bình lắng gạn 1000ml	Chất liệu: thủy tinh Phiếu chiết hình quả lê, khóa nhựa	OM.1503.28	Omark	Ấn Độ	Từ năm 2024 trở về sau	cái	6	864.000
4	Bình tam giác 250ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương	212263603	Duran	Đức	Từ năm 2024 trở về sau	cái	25	120.960
5	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	Phát hiện Aflatoxin B1, B2, G1, G2, M1, M2, Orchatoxin A Thời gian tách độc tố từ mẫu: dưới 10 phút (không bao gồm chuẩn bị và chiết mẫu) Giới hạn phát hiện: từ 0,25 ppb đến 100 ppb	G1017	VICAM	USA	Từ năm 2024 trở về sau	cái	150	384.480
6	Cột C8	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Đường kính 2,1mm, chiều dài 150 mm, Kích thước hạt 5 µm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Carbon Load: 13% - Kích thước lỗ hạt: 130Å - USP: L7 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 6000 psi - Diện tích bề mặt: 185	186003013	Waters	Ireland	Từ năm 2024 trở về sau	cái	1	39.960.000
7	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 10 mm, dài 75 mm	Chất liệu: thủy tinh borosilicate Đường kính 10 mm Chiều dài 75 mm	99445-10	Pyrex	Mỹ	Từ năm 2024 trở về sau	cái	100	7.020

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
8	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 20mm chiều dài 150mm	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đường kính 20 mm Chiều dài 150 mm	99445-13	Pyrex	Mỹ	Từ năm 2024 trở về sau	cái	120	16.200
9	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 13 mm, dài 100 mm	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đường kính 13 mm Chiều dài 100 mm	99445-20	Pyrex	Mỹ	Từ năm 2024 trở về sau	cái	200	8.100
10	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 25 mm, dài 150 mm	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đường kính 25 mm Chiều dài 150 mm	70820-25	Pyrex	Mỹ	Từ năm 2024 trở về sau	cái	170	35.640
11	Chuẩn Ginsenosid Rb1	Ginsenoside Rb1.Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương	Y0001347	Merck	Pháp	Từ năm 2024 trở về sau	mg	30	177.120
12	Chuẩn Ginsenosid Rg1	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương	PHR2200-50MG	Sigma/Merck	Trung Quốc	Từ năm 2024 trở về sau	mg	200	144.720
13	Chuẩn Melamine	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương	52549-250MG	Sigma/Merck	Mỹ	Từ năm 2024 trở về sau	mg	250	41.040
14	Tiền cột BEH C18	- Pha tĩnh: C18 - Kích thước hạt: 1,7 µm - Đường thước trong: 2,1 mm - Chiều dài: 5 mm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Carbon Load: 18% - Kích thước lỗ hạt: 130Å - USP: L1 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185 - Nhà thầu cung cấp bao gồm holder	186003975	Waters	Ireland	Từ năm 2024 trở về sau	cái	3	9.599.040
15	Tiền cột Phenyl-Hexyl UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Dài : 5mm	186008418	Waters	Ireland	Từ năm 2024 trở về sau	cái	3	8.000.640

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
		Đường kính: 2,1 mm Kích thước hạt : 2,7 µm Thành phần : Phenyl-Hexyl Pha đảo pH: 2-8 Cố: endcapped Áp suất tối đa: 1240 bar Pore size: 90Å Diện tích bề mặt: 100 Carbon load: 5,9% USP: L11							
16	Chai thủy tinh 1000mL	Chai trung tính GL45, 1000ml Duran Thể tích 1000ml Có nút đậy cao su	218015455	Duran	Đức	Từ năm 2024 trở về sau	cái	6	250.560
17	Môi trường TOS-Propionate Agar (Base)	Thành phần như sau (g/l): -Casein Peptone 10,0 g/l; -Yeast Extract 1,0 g/l; -Galactoligosaccharide TOS 10,0; -Dipotassium Phosphate 4,8 g/l -Monopotassium Phosphate 3 g/l -Magnesium Sulfate, heptahydrated 0,2 g/l -Ammonium Sulfate 3 g/l -L-Cysteine HCl 0,5 g/l -Sodium Propionate 15 g/l -Agar (hoặc Bacteriological agar) 15-25 g/l; Final pH 6.7 ± 0.2 at 25°C	610378	Liofilchem	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Gram	1.000	23.100
18	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base (Clostridium perfringens Agar Base)	Thành phần như sau: -Peptone (hoặc Enzymatic digest of casein) 15 g/l -Enzymatic digest of soya 5 g/l -Yeast extract 5 g/l -Sodium Disulfite (hoặc Sodium metabisulphite) (Anhydrous) 1 g/l	610207	Liofilchem	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Gram	500	7.980

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
		-Iron(III) Ammonium Citrate (hoặc Ferric ammonium citrate) 1 g/l -Agar 15.0 g/l Final pH 7.6 ± 0.2 at 25°C							
19	Dụng cụ trợ pipet cầm tay	Thông số kỹ thuật: - Loại điện tử - Thích hợp với các loại pipet thủy tinh hoặc nhựa với thể tích 1-100ml - Tốc độ hút: 9 - 10 ml/s - Màng lọc kị nước có thể hấp khử trùng được - Có thể điều chỉnh tốc độ hút nhả chất lỏng - Cảnh báo pin yếu - Đầu silicon có thể hấp tiệt trùng ở 121°C "Tên thương mại: Thiết bị hút mẫu định lượng Midi Plus	710931	Sartorius	Phản Lan	Từ năm 2024 trở về sau	Cái	4	12.960.000
20	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 2 ml	Chất liệu: Thủy tinh soda-lime Cấp độ chính xác AS Thể tích 2 ml	233461602	Duran	Đức	Từ năm 2024 trở về sau	Cái	200	118.044
21	Que chỉ thị kỵ khí	Chỉ thị dùng để nhận biết kỵ khí, là một lớp màng nhôm được thiết kế đặc biệt, chứa một miếng đệm thấm dung dịch xanh methylen. Dung dịch này chuyển từ màu xanh sang không màu khi không có O ₂ . Quy cách: Hộp/100 que	96725	Liofilchem	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Que	100	90.000
22	Chất bổ sung Egg Yolk emulsion	Thành phần: Egg Yolk 100 ml/1 lít môi trường Yêu cầu quy cách đóng gói 50ml/chai	42111602	Biolife	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	ml	2.000	8.640

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
23	Môi trường Acetamic broth	Dùng định danh vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa trong mẫu nước * Thành phần như sau (g/l): Potassium Di-hydrogenphosphate 1 g/l Magnesium sulfate (anhydrous) 0,2 g/l Acetamide 2 g/l Sodium chloride 0,2 g/l Sodium molybdate 0,005 g/l Iron Sulfate, heptahydrate (Ferrous sulfate) 0,0005 g/l Quy cách đóng gói 500g/chai	40101012	Biolife	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Chai	2	4.600.800
24	Môi trường Slanetz-Bartley có TTC	Dùng phát hiện và định lượng vi khuẩn enterococci trong nước bằng phương pháp lọc màng * Thành phần như sau (g/l): Tryptose 20 g/l Yeast extract 5 g/l Glucose 2 g/l Potassium phosphate bibasic 4 g/l Sodium azide 0,4 g/l Triphenyltetrazolium chloride (TTC) 0,1 g/l Agar 10 g/l; Quy cách đóng gói: 500g/chai	4020462	Biolife	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Chai	1	2.203.200
25	Môi trường Iron Sulfite Agar	* Công dụng: Dùng phát hiện và định lượng vi khuẩn Clostridium khử sunphit trong mẫu thực phẩm * Thành phần như sau (g/l): Peptone 15 g/l Soy peptone) 5 g/l Yeast extract 5 g/l Sodium metabisulphite 0,5 g/l	4015652	Biolife	Ý	Từ năm 2024 trở về sau	Chai	1	2.235.600

STT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
		Iron(III) Ammonium Citrate 0,1 g/l Agar 15 g/l Quy cách đóng gói: 500g/chai							